TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 200/2019/QĐST-HNGĐ	*An Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Nguyễn Thị C; Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và anh Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ và hiện tại đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị C và anh T thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị D, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2002 cho chị C nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Mạnh D1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2010 cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của chị C và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Đối với con chung Nguyễn Thị O, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

[5] Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T xác định vợ chồng có khối tài sản chung gồm: Thửa đất có diện tích 982m^2 thuộc số thửa 74B, tờ bản đồ số 22, thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 739228 ngày 17 tháng 4 năm 2007 đứng tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị C. Diện tích đất thực tế đo được theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân huyện An Dương là 970,2m^2. Trên đất có nhà ở 02 tầng kiểu biệt thự và công trình phụ khép kín, nhà ở cấp 4, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho; 01 lán mái tôn mạ màu; tường bao, sân, cổng, bể nước và cây cối hoa màu trên đất.

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận:

Anh Nguyễn Văn T sử dụng phần đất phía Nam giáp hộ ông M, chị Nguyễn Thị C sử dụng phần đất phía Bắc giáp hộ ông Đ (bà C1). Ranh giới phân chia tính từ mép mái cổng bên tay phải nhìn từ đường vào kéo thẳng đến hết phần đất giáp hộ ông T1, cụ thể chị C và anh T mỗi người được sử dụng phần diện tích đất và công trình kiến trúc trên đất như sau:

- Về diện tích đất chị Nguyễn Thị C sử dụng có vị trí, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp hộ bà C dài 35,3m

+ Phía Nam giáp phần đất anh T sử dụng dài 35,36m

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 12,35m

+ Phía Tây giáp hộ ông T1 dài 12,35m

Diện tích đất chị C sử dụng là: 436,3m^2

Chị C được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 phần nhà bếp mái lợp tôn prôximăng, diện tích 11,5m^2; 01 phần nhà cấp 4 mái lợp tôn prôximăng, diện tích 09m^2; 01 phần mái lán tôn mạ màu xà gồ sắt hộp, diện tích 10,7m^2. Chị Nguyễn Thị C được sở hữu toàn bộ tường bao và cây cối hoa màu trên phần diện tích đất 436,3m^2.

- Về diện tích đất anh Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng có vị trí, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất chị C sử dụng dài 35,36m

+ Phía Nam giáp hộ ông M dài 25,7+ 0,53+ 7,57m

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 17,26m

+ Phía Tây giáp hộ ông T1 + ngõ đi + hộ ông T2 dài 3,21 + 1,07 + 11,43m

Diện tích đất anh T sử dụng là 533,9m^2

Anh T được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng xây kiểu biệt thự, xây dựng năm 2015 có tổng diện tích là 96,5m^2; 01 bể nước chìm 14 khối; 01 phần nhà bếp mái lợp tôn prôximăng, diện tích là 15m^2; 01 phần nhà cấp 4 mái lợp tôn prôximăng, diện tích 6,7m^2; 01 phần lán tôn mạ màu xà gồ sắt hộp, diện tích 29m^2; 01 nhà vệ sinh và nhà kho có diện tích 6,2m^2. Anh T được sở hữu toàn bộ tường bao, sân, cổng và cây cối hoa màu trên diện tích đất 533,9m^2.

Anh T có trách nhiệm trả cho chị C số tiền 200.000.000 đồng tiền chia tài sản.

Về các công trình kiến trúc chị C và anh T mỗi người đều sử dụng một phần (nhà bếp, nhà cấp 4, mái lán tôn mạ màu) hai bên sẽ tự thỏa thuận thực hiện việc tháo dỡ để xây tường bao ngăn đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Diện tích đất chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T được sử dụng có sơ đồ kèm theo)

Đối với diện tích đất 03 và các tài sản sinh hoạt khác hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét quan điểm của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T về tài sản là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận chị C chịu cả lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xét thấy, quan điểm của chị C và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị D, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2002; anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh D1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2010 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Thị O, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị C được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 436,3m^2 thuộc số thửa 74B, tờ bản đồ số 22, thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng có vị trí kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp hộ bà C1 dài 35,3m

+ Phía Nam giáp phần đất anh T sử dụng dài 35,36m

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 12,35m

+ Phía Tây giáp hộ ông T1 dài 12,35m

Chị C được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 phần nhà bếp mái lợp tôn prôximăng, diện tích 11,5m^2; 01 phần nhà cấp 4 mái lợp tôn prôximăng, diện tích 09m^2; 01 phần mái lán tôn mạ màu xà gồ sắt hộp, diện tích 10,7m^2. Chị C được sử dụng toàn bộ tường bao và cây cối hoa màu trên phần diện tích đất 436,3m^2.

Anh Nguyễn Văn T được quản lý, sử dụng phần diện tích đất 533,9m^2 thuộc số thửa 74B, tờ bản đồ số 22, thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có vị trí, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất chị C sử dụng dài 35,36m

+ Phía N giáp hộ ông M dài 25,7+ 0,53+ 7,57m

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 17,26m

+ Phía Tây giáp hộ ông T1 + ngõ đi + hộ ông T2 dài 3,21 + 1,07 + 11,43m

Anh T được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng xây kiểu biệt thự, xây dựng năm 2015 có tổng diện tích là 96,5m^2; 01 bể nước chìm 14 khối; 01 phần nhà bếp mái lợp tôn prôximăng, diện tích là 15m^2; 01 phần nhà cấp 4 mái lợp tôn prôximăng, diện tích 6,7m^2; 01 phần lán tôn mạ màu xà gồ sắt hộp, diện tích 29m^2; 01 nhà vệ sinh và nhà kho có diện tích 6,2m^2. Anh T được sở hữu toàn bộ tường bao, sân, cổng và cây cối, hoa màu trên diện tích đất 533,9m^2.

Anh T có trách nhiệm trả cho chị C số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền chia tài sản.

Về các công trình kiến trúc chị C và anh T mỗi người đều sử dụng một phần (nhà bếp, nhà cấp 4, mái lán tôn mạ màu) hai bên sẽ tự thỏa thuận thực hiện việc tháo dỡ để xây tường bao ngăn đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Diện tích đất chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T được quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo).

Đối với diện tích đất 03 và các tài sản sinh hoạt khác hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng anh Nguyễn Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị C kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị C chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4419 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị C đã nộp đủ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Q;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Minh Huế